



Thanh Ba, ngày 02 tháng 05 năm 2019

DỰ THẢO

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2018, phương án sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018, Phòng tài chính kế toán kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ một số nội dung chính sau đây:

I. Tình hình tài chính năm 2018:

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
1	Sản lượng xi măng sản xuất	Tấn	269.679,3	273.606,7	↑ 1,46%
2	Sản lượng Clinker sản xuất	Tấn	202.173	207.861	↑ 2,81%
3	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	271.140,3	271.130,2	
4	Sản lượng Clinker tiêu thụ	Tấn	0	9.749,7	
5	Tổng tài sản	Tr.đ	518.214	519.541	↑ 0,26%
-	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	76.782	89.314	↑ 16,32%
-	Tài sản dài hạn	Tr.đ	441.432	430.227	↓ 2,54%
6	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	518.214	519.541	↑ 0,26%
-	Nợ phải trả	Tr.đ	529.527	555.582	↑ 4,92%
-	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	359.176	418.604	↑ 16,55%
-	Nợ dài hạn	Tr.đ	170.351	136.978	↓ 19,59%
-	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	(11.313)	(36.041)	↓ 318,58%
7	Doanh thu	Tr.đ	238.084	247.894	↑ 4,12%
8	Lợi nhuận	Tr.đ	(14.501)	(24.493)	↓ 168,9%
9	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		0,214	0,213	
10	Khả năng thanh toán nhanh		0,1	0,1	

2. Thuận lợi và khó khăn:

a. Thuận lợi:

- Trong những năm gần đây, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nên Nhà nước đã thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô... Do đó, hàng loạt dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản bị đình trệ. Khối lượng xây dựng giảm, nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng giảm, trong đó có xi măng. Năm 2018, mặc dù chưa hoàn toàn thoát khỏi những khó khăn nhưng lĩnh vực xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi tích cực với sự phục hồi chung của nền kinh tế, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại, nhu cầu xây dựng của người dân tăng và việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn vốn ngân sách. Giá bán xi măng hiện nay chưa có biến động lớn Xi măng tại các nhà máy và giá bán lẻ xi măng trong năm 2018 vẫn giữ ổn định so với cuối năm 2017. Giá bán lẻ xi măng tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000 -1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 -1.850.000 đồng/tấn). Điều này một phần là do đẩy mạnh xuất khẩu, mặt khác do có sự điều chỉnh trong những năm vừa qua. Sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng cũng có nhiều chuyển biến. Khép lại năm 2018, ngành xi măng có được kết quả ngoài dự kiến với tổng sản phẩm tiêu thụ đạt 96,7 triệu tấn, tăng 19% so với năm 2017, riêng xi măng tiêu thụ nội địa đạt 65,1 triệu tấn, tăng 9,0% so với năm 2017. Dự báo, tiêu thụ xi măng năm 2019 sẽ đạt khoảng 95 triệu tấn : thị trường nội địa 70 triệu tấn, xuất khẩu 25 triệu tấn (Theo Số liệu của Hiệp hội xi măng báo cáo và đăng tải trên website ximang.vn).

- Hoạt động của dây chuyền sản xuất cơ bản ổn định và phát huy được công suất của thiết bị. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú" chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng và dần trở thành một thương hiệu mạnh so với các thương hiệu xi măng khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận.

b. Khó khăn:

Các nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD: Dự báo năm 2019, tình hình kinh tế cả nước vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng đầu tư không có nhiều đột biến, thị trường bất động sản phục hồi chậm. Bên cạnh đó, dự báo năm

2019 sau khi một số dự án có công suất lớn tiếp tục hoàn thành và đi vào hoạt động như : Xi măng Sông Lam giai đoạn 2, Xi măng Tân Thắng, Xi măng Xuân Thành 2..., ngành xi măng sẽ dư cung từ 25% - 30% so với nhu cầu tiêu thụ nội địa, làm tăng áp lực tiêu thụ của toàn ngành xi măng, đặc biệt là áp lực tiêu thụ trong xuất khẩu xi măng.

Ngoài những yếu tố thuận lợi giúp Công ty phát triển bền vững thì tình hình tài chính của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn:

- Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clanhke/ngày liên tục phải dừng để khắc phục sự cố hoặc do thiếu nguyên liệu. Trong năm Công ty đã phải dừng lò tới 4.847 giờ. Chi phí đưa vào sửa chữa khắc phục sự cố và chi phí đốt lại lò theo đó tăng cao. Tổng chi phí vật liệu chịu lửa sửa chữa lò trong năm 2018 là 6.904 triệu đồng.

- Giá thành sản xuất sản phẩm tăng do giá cả các loại nguyên nhiên vật liệu đầu như than cám, điện ... tăng cao. Mặc dù giá điện chiếm tỷ trọng không lớn trong giá thành xi măng, nhưng khi giá điện tăng sẽ kéo theo hàng loạt các chi phí, dịch vụ khác ăn theo, tác động đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ngoài những nguyên nhân tăng giá nguyên liệu, tăng giá điện, Công ty phải nhập silic hàm lượng cao với giá cao 60.000 đ/tấn do mỏ được cấp khai thác đã hết trữ lượng có thể sử dụng được

- Các nhà cung cấp và nhà phân phối đang hạn chế cung cấp nguyên vật liệu đầu vào do không đáp ứng được các điều khoản thanh toán (nợ phải trả tăng) do không vay được vốn lưu động.

3. Quan hệ với các tổ chức tín dụng và các khách hàng.

STT	Đối tượng khách nợ	Đơn vị	Công nợ tính đến 31/12/2018
1	Gốc vay ngắn hạn	Đồng	19.459.642.714
-	Ngân hàng Vietinbank	Đồng	1.550.000.000
-	Ngân hàng BIDV	Đồng	17.909.642.714
2	Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân	Đồng	11.180.795.252
3	Gốc vay dài hạn trả cho các năm tiếp theo	Đồng	207.009.153.315
	- Ngân hàng Phát triển	Đồng	98.216.272.092
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	Đồng	55.072.260.628
	- Ngân hàng Quốc tế	Đồng	53.720.620.595
4	Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân	Đồng	11.250.000.000

5	Nợ lãi vay dài hạn	Đồng	110.564.571.664
	- Ngân hàng Quốc tế	Đồng	38.923.989.015
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	Đồng	13.111.836.622
	- Ngân hàng Phát triển	Đồng	58.528.746.027

Qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, phân tích khả năng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh và đưa ra kế hoạch cụ thể cho năm 2019, để thực hiện được Công ty CP xi măng Phú Thọ cần số vốn lưu động tối thiểu từ 70 – 80 tỷ đồng. Mặc dù đã được các ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn ngắn hạn, tuy nhiên năm 2018 công ty vẫn thiếu hơn 40 tỷ đồng vốn lưu động trực tiếp phục vụ sản xuất. Việc thiếu vốn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, Công ty đã nhiều lần phải ngừng sản xuất do không đủ nguyên vật liệu đáp ứng chạy dây chuyền, do đó năng suất sản phẩm không cao trong khi đó chi phí cố định là không thay đổi làm tăng giá thành sản phẩm. Việc dùng lò thường xuyên cũng ảnh hưởng đến mức độ hoạt động ổn định và tuổi thọ của toàn bộ dây chuyền. Để đảm bảo sản xuất, công ty phải mua nợ nguyên vật liệu, vật tư. Tuy nhiên, các nhà cung cấp hiện nay cũng không cho nợ thêm do số dư công nợ quá cao. Nhu cầu vốn lưu động tối thiểu năm 2019 dự kiến là 70 tỷ đồng, do hạn mức vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương tiếp tục giảm 50 - 100 triệu đồng/tháng vì không có tài sản đảm bảo. Như vậy, vốn ngắn hạn năm 2019 công ty thiếu trên 50 tỷ đồng.

Đồng thời, do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tiếp lỗ, bị xếp vào nhóm tín dụng xấu và mất khả năng trả nợ với các tổ chức tín dụng nên việc vay thêm vốn đầu tư dài hạn từ các ngân hàng là không khả thi. Mặt khác, toàn bộ tài sản, đất đai đã thế chấp tại ngân hàng nên việc vay thêm vốn lưu động là không thể. Nếu việc bổ sung vốn lưu động thiếu hụt không được tiến hành kịp thời để duy trì sản xuất sẽ dẫn tới đóng cửa nhà máy, ảnh hưởng tới việc làm của gần 400 lao động, các thiệt hại do máy móc thiết bị ngừng hoạt động, thiệt hại toàn bộ chi phí khấu hao, chi phí lãi vay ngắn hạn và dài hạn sẽ mất hoàn toàn nguồn thanh toán, ước tính tổng thiệt hại mỗi năm khoảng 54.000 triệu đồng (khấu hao 26.000 triệu đồng, lãi vay 24.000 triệu đồng, thực hiện chế độ đối với người lao động 5.300 triệu đồng,...). Toàn bộ nợ phải trả cho các Ngân hàng, các nhà thầu, các nhà cung cấp, cơ quan bảo hiểm và NSNN, tổng giá trị 555.582 triệu đồng sẽ không có khả năng hoàn trả, kéo theo hệ lụy về phong tỏa tài sản, kiện tụng, tranh chấp,... Toàn bộ hệ thống nhà phân phối và thị trường xi măng xây dựng từ trước đến nay sẽ bị phá vỡ.

II. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2019:

1. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2019 được đánh giá là năm tiếp tục khó khăn đối với ngành xi măng cả nước nói chung và xi măng Phú Thọ nói riêng. Theo đánh giá của Vụ vật liệu xây dựng, áp lực tiêu thụ xi măng năm 2019 cao hơn năm 2018 khi mà nguồn cung của thị trường tăng thêm do sự xuất hiện của hàng loạt các nhà máy xi măng mới công suất lớn, xuất khẩu có nhiều tín hiệu khả quan nhưng khả năng chưa đáp ứng được kỳ vọng, trong khi dự báo nhu cầu xi măng năm 2019 tăng không đáng kể.

2. Mục tiêu, định hướng :

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là mục tiêu chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú".

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ %	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
1	Sản lượng sản xuất sản phẩm					
1.1	Clinker lò quay	Tấn	207.861	260.000	125,1%	
1.2	Xi măng bột PCB40	Tấn	215.604	214.584	99,5%	
1.3	Xi măng bột PCB30	Tấn	58.002	56.076	96,7%	
1.4	Xi măng PCB40 bao	Tấn	207.856	214.854	103,2%	
1.5	Xi măng PCB30 bao	Tấn	56.655	56.076	100,0%	
1.6	Đá khách hàng	M3	54.276	60.000	110,5%	
2	Giá thành sản xuất sản phẩm					
2.1	Clinker lò quay	Đ/Tấn SP	728.144	703.601	96,6%	
2.2	Xi măng bột PCB40	Đ/Tấn SP	719.701	678.199	94,2%	
2.3	Xi măng bột PCB30	Đ/Tấn SP	637.577	677.695	106,3%	
2.4	Xi măng PCB40 bao	Đ/Tấn SP	817.076	769.680	94,2%	
2.5	Xi măng PCB30 bao	Đ/Tấn SP	718.154	754.360	105,0%	
2.6	Đá khách hàng	Đ/M3 SP	88.155	91.700	104,0%	
3	Tổng giá thành SX sản phẩm	Tr. đồng				
3.1	Clinker thương phẩm	Tr. đồng	151.353	182.936	120,9%	
3.2	Xi măng bột PCB40	Tr.đồng	155.171	145.531	93,8%	

3.3	Xi măng bột PCB30	Tr.đồng	36.994	38.002	102,7%
3.4	Xi măng PCB40 bao	Tr. đồng	169.835	165.369	97,4%
3.5	Xi măng PCB30 bao	Tr. đồng	40.687	42.301	104,0%
3.6	Đá khách hàng	Tr. đồng	4.785	5.502	115,0%
4	Sản lượng tiêu thụ				
4.1	Clinker thương phẩm	Tấn	9.750	59.712	612,4%
4.2	Xi măng bột PCB40	Tấn	6.892	7.648	111,0%
4.3	Xi măng bột PCB30	Tấn	678	752	111,0%
4.4	Xi măng PCB40 bao	Tấn	207.178	215.320	103,9%
4.5	Xi măng PCB30 bao	Tấn	56.383	56.280	99,8%
4.6	Đá khách hàng	M3	54.276	60.000	110,5%
5	Doanh thu tiêu thụ sản phẩm	Tr. đồng	246.761	295.896	119,9%
5.1	Clinker thương phẩm	Tr. đồng	6.716	37.999	565,8%
5.2	Xi măng bột PCB40	Tr.đồng	4.872	5.687	116,7%
5.3	Xi măng bột PCB30	Tr.đồng	443	525	118,5%
5.4	Xi măng PCB40 bao	Tr. đồng	183.635	193.783	105,5%
5.5	Xi măng PCB30 bao	Tr. đồng	49.979	52.400	104,8%
5.6	Đá khách hàng + khác	Tr. đồng	5.429	5.502	101,3%
5.7	Chiết khấu thương mại	Tr.đồng	(4.313)		
6	Giá vốn hàng bán	Tr. đồng	223.895	261.394	116,7%
6.1	Clinker thương phẩm	Tr. đồng	7.116	42.013	590,4%
6.2	Xi măng bột PCB40	Tr. đồng	4.912	5.187	105,6%
6.3	Xi măng bột PCB30	Tr. đồng	420	510	121,4%
6.4	Xi măng PCB40 bao	Tr.đồng	169.305	165.727	97,9%
6.5	Xi măng PCB30 bao	Tr.đồng	39.060	42.455	108,7%
6.6	Đá khách hàng + khác	Tr.đồng	3.082	5.502	178,6%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	14.056	13.636	97,0%
7.1	- Chi phí nhân viên quản lý	Tr. đồng	6.148	5.736	93,3%
7.2	- Chi phí vật liệu quản lý	Tr. đồng	857	857	100,0%
7.3	- Chi phí CCDC quản lý	Tr. đồng	433	433	100,0%
7.4	- Chi phí khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	442	425	96,2%
7.5	- Chi phí Thuế, phí, lệ phí	Tr.đồng	1.649	1.649	100,0%
7.6	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr. đồng	4.527	4.536	100,2%
8	Chi phí bán hàng	Tr. đồng	7.863	7.497	95,3%
8.1	- Chi phí nhân viên bán hàng	Tr. đồng	-	139	
8.2	- Chi phí vật liệu bán hàng	Tr. đồng			
8.3	- Chi phí CCDC bán hàng	Tr. đồng	0,42	-	
8.4	- Chi phí khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	17	-	
8.5	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr. đồng	7.846	7.358	93,8%

9	Doanh thu tài chính	Tr. đồng	7		
10	Chi phí tài chính	Tr. đồng	26.348	21.043	79,9%
10.1	Chi phí lãi vay	Tr. đồng	25.778	21.043	81,6%
10.2	Chiết khấu thanh toán	Tr. đồng	570		
11	Thu nhập khác	Tr. đồng	1.178		
12	Chi phí khác	Tr. đồng	277		
13	Kết quả sản xuất kinh doanh	Tr. đồng	(24.493)	(7.675)	

(Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

3. Các giải pháp tài chính cần thực hiện trong năm 2018 :

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong những năm qua và Kế hoạch sản xuất kinh năm 2019, để giải quyết được vấn đề khó khăn về tài chính cần phải giải quyết được vấn đề mất cân đối nguồn vốn và lỗ lũy kế (lỗ lũy kế đến 31/12/2018 là 165.890 triệu đồng). Đây là vấn đề mấu chốt quan trọng cần phải thực hiện trong ít nhất 3 - 4 năm tới. Đánh giá được các tồn tại, các hạn chế và các mặt chưa đạt được trong năm 2018, để kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được hoàn thành, các công việc trọng tâm cần phải thực hiện như sau:

+ Tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để giảm chi phí cố định đơn vị, sử dụng hiệu quả kinh tế theo quy mô để tối đa hóa lợi nhuận gộp. Tăng chất lượng sản phẩm bán ra và dịch vụ cung cấp để có thể bán hàng với giá cao hơn và cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ khác.

+ Tích cực thu hồi số công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước (trên 6 tỷ đồng) nhằm bù đắp số dự phòng phải thu khó đòi đã trích và hạn chế việc trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tới.

+ Xây dựng kế hoạch trả nợ cụ thể cho các nhà thầu xây lắp và các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu.

+ Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc. sẵn sàng đổi mới và hoàn thành tốt công việc trong môi trường cạnh tranh, áp lực cao. Cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự các cấp để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính với biện pháp kinh tế (chính sách tiền lương, tiền thưởng) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định về quản trị nội bộ, đặc biệt là việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn


định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư đối với từng công đoạn sản xuất kinh doanh; nghiên cứu xây dựng và đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí nội bộ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo dự thảo tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2018, kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên và đưa ra các ý kiến xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh năm 2019 tối ưu nhất giảm lỗ và lỗ lũy kế, khắc phục tình trạng mất cân đối vốn như hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trường ban KS;
- Lưu TCKT - VP.

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



Vũ Anh Phương